

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 27-6-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Lê Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST- DS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Ngọc Đình H – Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng “có mặt”.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 41/QĐ-STG, ngày 06 tháng 9 năm 2021).

- Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1981 “có mặt”.

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Trần Ngọc Đình H trình bày:

Vào ngày 22/7/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng và anh Trần Thanh P đã ký hợp đồng tín dụng với nội dung chi tiết như sau: Hợp đồng vay số: T15004/003. Số tiền vay: 40.000.000 đồng. Lãi suất:

8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm). Thời hạn vay: 36 tháng (22/7/2015 đến ngày 22/7/2018). Mục đích vay: tiêu dùng. Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Trong quá trình vay từ ngày 22/7/2015 đến ngày 21/7/2021, anh P chỉ trả được tiền gốc là 8.719.751 đồng và tiền lãi là 3.808.249 đồng. Tổng cộng là 12.528.000 đồng.

Do anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 21/7/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/6/2022 anh P còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 31.280.249 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.271.751 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.250.973 đồng. Tổng cộng là 57.802.973 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh Trần Thanh P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2022 là 57.802.973 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2022 đến ngày anh P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 31.280.249 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trần Thanh P trình bày:

Vào ngày 22/7/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng và anh Trần Thanh P đã ký hợp đồng tín dụng với nội dung chi tiết như sau: Hợp đồng vay số: T15004/003. Số tiền vay: 40.000.000 đồng. Lãi suất: 8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm). Thời hạn vay: 36 tháng (22/7/2015 đến ngày 22/7/2018). Mục đích vay: tiêu dùng. Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Trong quá trình vay từ ngày 22/7/2015 đến ngày 21/7/2021, anh P đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.719.751 đồng và tiền lãi là 3.808.249 đồng. Tổng cộng là 12.528.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh P thừa nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 31.280.249 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/6/2022 là 26.522.724 đồng. Tuy nhiên, anh P cho rằng sau khi anh nghỉ việc thì Ngân hàng đến thu hồi nợ mà không thông báo cho anh biết phương án trả nợ như thế nào, nên anh không thống nhất hoàn trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương

mại cổ phần Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2022 là 57.802.973 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2022 đến ngày anh P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 31.280.249 đồng.

Xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2022 là 57.802.973 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/6/2022 đến ngày anh P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 31.280.249 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2021 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng kiện bị đơn là anh Trần Thanh P, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn anh Trần Thanh P (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ tiền vay theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và anh Trần Thanh P cùng trình bày: vào ngày 22/7/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng và anh Trần Thanh P đã ký hợp đồng tín dụng số T15004/003, nội dung hợp đồng là Ngân hàng cho anh P vay số tiền gốc là 40.000.000 đồng, với lãi suất 8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm); thời hạn vay là 36 tháng (22/7/2015 đến ngày 22/7/2018); mục đích vay là tiêu dùng; hình thức vay là vay trả góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu. biện pháp bảo đảm là vay tín chấp. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho anh P nhận đủ số tiền

vay là 40.000.000 đồng, sau đó anh P có trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 8.719.751 đồng và tiền lãi là 3.808.249 đồng, tổng cộng là 12.528.000 đồng, tính đến ngày 27/6/2022 anh P còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi là 57.802.973 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Về nội dung và hình thức của hợp đồng: anh Trần Thanh P trực tiếp ký tên vào hợp đồng vay số T15004/003, ngày 22/7/2015, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã giải ngân cho anh P nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

[2.3] Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.4] Xét về lỗi: anh Trần Thanh P thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy anh P là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700419, ngày 10/03/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và anh Trần Thanh P cùng xác định tính đến ngày 27/6/2022 anh P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 57.802.973 đồng (trong đó nợ gốc là 31.280.249 đồng, nợ lãi là 26.522.724 đồng).

Xét thấy: anh P là bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tài sản, nên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu anh P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc anh P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2022 là 57.802.973 đồng và tiền lãi phát sinh từ

ngày 28/6/2022 đến ngày anh P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 31.280.249 đồng.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc anh Trần Thanh P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.890.148 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.351.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009034 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu anh Trần Thanh P có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc anh Trần Thanh P có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2022 là 57.802.973 đồng (*năm mươi bảy triệu tám trăm lẻ hai ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 28/6/2022 anh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa

thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là 31.280.249 đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Thanh P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.890.148 đồng (*hai triệu tám trăm chín mươi ngàn một trăm bốn mươi tám đồng*); Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.351.000 đồng (*một triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009034 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo